

BỘ XÂY DỰNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA

QUY ĐỊNH
VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
NGHIÊN CỨU SINH 2014

Hà Nội, 06/2014

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2014

QUY ĐỊNH
VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH
(Ban hành kèm theo quyết định số 144/QĐ-VKTQG của Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia ký ngày 27/6/2014)

MỤC LỤC

Trang

CHƯƠNG I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Mục tiêu đào tạo	4
Điều 3. Chuyên ngành đào tạo.....	4
Điều 4. Thời gian đào tạo	4
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	4
Điều 5. Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	4
Điều 6. Cơ chế tổ chức và quản lý.....	5
Điều 7. Lãnh đạo Viện.....	5
Điều 8. Hội đồng khoa học và đào tạo Viện.....	5
Điều 9. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế.....	6
Điều 10. Các phòng nghiên cứu	8
Điều 11. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ	9
Điều 12. Người hướng dẫn	10
Điều 13. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh	11
Điều 14. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh	11
Điều 15. Website của Viện: http://vienkientruc.kientrucvietnam.org.vn/	12
CHƯƠNG III: TUYỂN SINH	13
Điều 16. Thời gian và hình thức tuyển sinh	13
Điều 17. Điều kiện tham dự xét tuyển.....	13
Điều 18. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển.....	14
Điều 19. Chính sách ưu tiên	14
Điều 20. Thông báo tuyển sinh, thu nhận hồ sơ, xử lý xét duyệt hồ sơ	15
Điều 21. Hội đồng tuyển sinh.....	16
Điều 22. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.....	16
Điều 23. Tiểu ban chuyên môn.....	17
Điều 24. Quy trình xét tuyển	17
Điều 25. Triệu tập thí sinh trúng tuyển.....	18

Chương IV. CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO	18
Điều 26. Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ.....	18
Điều 27. Các học phần bổ sung, chuyển đổi.....	19
Điều 28. Các học phần trình độ Tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.....	20
Điều 29. Tổ chức giảng dạy, đánh giá, cấp chứng chỉ hoàn thành các học phần trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	21
Điều 30. Nghiên cứu khoa học	23
Điều 31. Luận án Tiến sĩ.....	24
Điều 32. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án	24
Điều 33. Những thay đổi trong quá trình đào tạo	24
Chương V. LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN	26
Điều 34. Yêu cầu đối với luận án Tiến sĩ	26
Điều 35. Hình thức đánh giá và điều kiện bảo vệ luận án	28
Điều 36. Đánh giá luận án cấp Bộ môn	29
Điều 37. Phản biện độc lập	32
Điều 38. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện.....	33
Điều 39. Đánh giá luận án cấp Viện	35
Điều 40. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp Viện.....	36
Điều 41. Tổ chức bảo vệ luận án	38
Điều 42. Bảo vệ luận án lần thứ hai.....	40
Điều 43. Bảo vệ luận án theo chế độ mật	40
Chương VI. THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ.....	41
Điều 44. Thẩm định luận án.....	41
Điều 45. Xử lý kết quả thẩm định.....	41
Điều 46. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng Tiến sĩ.....	42
Điều 47. Cấp bằng Tiến sĩ	43
Chương VII. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	43
Điều 48. Khiếu nại, tố cáo	43
Điều 49. Xử lý vi phạm	43
Chương VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	44
Điều 50. Tổ chức thực hiện.....	44
Điều 51. Nghiên cứu sinh	44
Điều 52. Các mẫu văn bản.....	44
PHỤ LỤC 1: TẬP THỂ HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH	45
PHỤ LỤC 2: CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG.....	46
PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	47
PHỤ LỤC 4: HƯỚNG CHUYÊN MÔN SÂU.....	48
PHỤ LỤC 5: DANH MỤC TẠP CHÍ CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	49

CHƯƠNG I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản quy định về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học này xác định cụ thể cơ cấu, cơ chế tổ chức và quản lý, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận và cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo Tiến sĩ và bồi dưỡng sau đại học của Viện Kiến trúc quốc gia.

2. Văn bản quy định về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học này được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa các quy định thuộc "Quy chế đào tạo Tiến sĩ" ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những vấn đề không được đề cập đến trong quy định này sẽ được vận dụng theo các quy định trên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Văn bản quy định về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học này chỉ áp dụng trong phạm vi nội bộ Viện Kiến trúc quốc gia.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ tiến sĩ là đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học và công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Chuyên ngành đào tạo

1. Chuyên ngành: Kiến trúc

Mã số: 62.58.01.02

2. Việc đăng ký mở các chuyên ngành và hình thức đào tạo mới sẽ được căn cứ vào nhu cầu, năng lực của Viện và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

Điều 4. Thời gian đào tạo

Thời gian thực hiện chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục hoặc 4 năm không tập trung, đối với nghiên cứu sinh có bằng kiến trúc sư là 4 năm tập trung liên tục hoặc 5 năm không tập trung.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Tham gia công tác tổ chức đào tạo sau đại học tại Viện Kiến trúc quốc gia bao gồm các bộ phận và cá nhân:

1. Viện trưởng
2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện

3. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế (sau đây gọi tắt là TT Đào tạo)
4. Các phòng nghiên cứu
5. Giảng viên, người hướng dẫn Luận án tiến sĩ
6. Website của Viện

Điều 6. Cơ chế tổ chức và quản lý

Viện Kiến trúc quốc gia thực hiện cơ chế quản lý 2 cấp: Viện - Phòng nghiên cứu.

Điều 7. Lãnh đạo Viện

1. Trách nhiệm của lãnh đạo Viện:

a. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của Viện trong tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học ở Viện.

b. Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo tiến sĩ và bồi dưỡng sau đại học tại Viện Kiến trúc quốc gia.

c. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên, các hội thảo khoa học quốc tế.

d. Chỉ đạo TT Đào tạo và các đơn vị có liên quan thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học theo các qui định của Quy chế này và qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

e. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế này và các qui định, hướng dẫn của Viện trong đào tạo trình độ tiến sĩ và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo tại Viện.

f. Tổ chức chuẩn bị hồ sơ đăng ký mở các chuyên ngành, hình thức đào tạo mới và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, công nhận.

2. Thành phần: Lãnh đạo Viện bao gồm Viện trưởng và các Phó Viện trưởng phụ trách công tác đào tạo của Viện.

Điều 8. Hội đồng khoa học và đào tạo Viện

Hội đồng khoa học và đào tạo Viện có trách nhiệm tư vấn cho Viện trưởng về những chủ trương lớn trong công tác đào tạo nghiên cứu sinh, bên cạnh những chức năng quan trọng và chiến lược khác đối với Viện Kiến trúc quốc gia.

1. Chức năng: Hội đồng tư vấn đào tạo có chức năng tư vấn giúp lãnh đạo Viện trong việc xây dựng quy chế, quy định tổ chức - quản lý, quy trình và quy phạm về giảng dạy, học tập.

2. Nhiệm vụ:

a. Xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, bao gồm:

- Danh mục các học phần bổ sung, chuyển đổi ở trình độ đại học, thạc sĩ;
- Danh mục các học phần trình độ tiến sĩ;

- Xem xét thông qua các đề xuất của người hướng dẫn về các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

- Đề xuất các bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; ít nhất hai năm một lần xem xét lại toàn bộ chương trình đào tạo.

b. Thông qua nội dung, đề cương học phần, chương trình giảng dạy các học phần trình độ tiến sĩ; cách đánh giá các học phần, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

c. Đề xuất với Viện trưởng phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình.

d. Xem xét và kiến nghị với Viện trưởng việc gia hạn hoặc bảo vệ sớm của nghiên cứu sinh;

đ. Tư vấn, xây dựng chương trình đào tạo, chuyên ngành đào tạo sau đại học mới khi có nhu cầu;

e. Đề xuất với Viện trưởng các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học ở Viện;

g. Xây dựng tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh, xác định vai trò và nhiệm vụ của người hướng dẫn chính và phụ. Đề xuất danh sách các nhà khoa học trong và ngoài Viện có đủ điều kiện để hướng dẫn nghiên cứu sinh, danh sách các nhà khoa học có thể đảm nhiệm vai trò phản biện độc lập khi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện.

3. Thành phần: Hội đồng gồm một lãnh đạo Viện, phụ trách đào tạo sau đại học, làm Chủ tịch, giám đốc TT Đào tạo làm Phó Chủ tịch, các thành viên khác bao gồm các tiến sĩ cùng chuyên ngành trong Viện và đại diện các phòng nghiên cứu.

Điều 9. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế

1. Chức năng: Giúp Viện trưởng thực hiện chức năng tổ chức - quản lý đào tạo và bồi dưỡng sau đại học của Viện.

2. Nhiệm vụ: Đề xuất và thực hiện các biện pháp tổ chức - quản lý công tác đào tạo sau đại học; giám sát việc thi hành bản quy định này; chịu trách nhiệm trước Viện trưởng về quản lý chất lượng đào tạo sau đại học; phối hợp với các phòng nghiên cứu quản lý chuyên môn trong công tác tổ chức - quản lý đào tạo và bồi dưỡng sau đại học.

Nhiệm vụ chính của Trung tâm Đào tạo trong công tác đào tạo sau đại học bao gồm:

a. Xây dựng và trình Viện trưởng ban hành quy định chi tiết của Viện về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý nghiên cứu sinh, về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ trên cơ sở "Quy chế đào tạo Tiến sĩ" ban hành kèm theo thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ GDĐT.

b. Trong công tác tuyển sinh, TT Đào tạo giúp Viện trưởng:

- Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Viện theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và đào tạo.
- Trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, tổ chức tuyển sinh hàng năm.

c. Trong công tác tổ chức, TT Đào tạo có nhiệm vụ:

- Kết hợp với hội đồng tư vấn đào tạo và các bộ môn xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo.
- Giúp Viện trưởng lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Trình Viện trưởng phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học uy tín, có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng chuyên ngành đào tạo. Công bố danh mục trên trang Web của Viện.
- Trình Viện trưởng phê duyệt danh sách người hướng dẫn kèm theo danh mục các đề tài nghiên cứu, hướng hay lĩnh vực nghiên cứu. Công bố danh sách và danh mục trên trang Web của Viện.
- Trình Viện trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh.
- Trình Viện trưởng ra quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.
- Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt.

d. Trong công tác quản lý, TT Đào tạo có nhiệm vụ:

- Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.
- Quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập.
- Cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án.
- Trình Viện trưởng ra quyết định cấp bằng tiến sĩ.

đ. Tạo điều kiện làm các thủ tục khi nghiên cứu sinh có nhu cầu đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài.

e. Tạo điều kiện làm các thủ tục khi nghiên cứu sinh có nhu cầu được cung cấp thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh như đối với cán bộ của Viện.

g. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo các quy định của Quy định này.

h. Công bố công khai và duy trì trên trang Web:

- Toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) ngay từ khi chuẩn bị bảo vệ.
- Danh sách nghiên cứu sinh hàng năm.
- Các đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh đang thực hiện.
- Danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

i. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

- Sau kỳ tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và đào tạo về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển.
- Tháng 10 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ của cơ sở, những thay đổi về nghiên cứu sinh trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh năm sau.
- Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, báo cáo Bộ Giáo dục và đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh bảo vệ trong hai tháng vừa qua.
- Trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và đào tạo về tình hình cấp bằng tiến sĩ của Viện. Hồ sơ báo cáo gồm:
 - Báo cáo tổng quan tình hình cấp bằng tiến sĩ của Viện trong thời gian sáu tháng vừa qua.
 - Danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng.
 - Bản sao quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận án đạt yêu cầu quy định.
 - Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh có tên trong danh sách cấp bằng.
- Các tài liệu, hồ sơ của mỗi nghiên cứu sinh, của Viện liên quan đến tuyển sinh, đào tạo, xét tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ được bảo quản và lưu trữ tại TT Đào tạo theo quy định hiện hành về công tác lưu trữ.

k. Thay mặt Viện trưởng tổ chức kiểm tra trong toàn Viện việc thực hiện các quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Quy định này và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng về toàn bộ các hoạt động đào tạo tiến sĩ tại Viện.

1. Giúp Viện trưởng thực hiện đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Các phòng nghiên cứu

1. Chức năng: Trực tiếp quản lý về mặt chuyên môn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đào tạo có liên quan đến chuyên ngành đào tạo tiến sĩ đã được Viện phân công.

2. Nhiệm vụ:

a. Tham gia tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của thí sinh. Lập biên bản đánh giá, xếp loại kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh.

b. Đề xuất và thông qua Hội đồng Khoa học - Đào tạo trước khi trình Viện trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; theo dõi việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh đó.

c. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh, ít nhất ba tháng một lần, để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.

d. Quy định lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn; lịch của đơn vị chuyên môn nghe nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học, đảm bảo ít nhất 4 lần một năm. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh và đề nghị Viện trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng nghiên cứu sinh.

e. Hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ nghiên cứu sinh gửi công bố kết quả nghiên cứu cho các tạp chí trong và ngoài nước.

g. Đề nghị Viện trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn; rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo; chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

h. Quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Phòng Đào tạo về tình hình học tập, nghiên cứu của các nghiên cứu sinh; đồng thời thông qua Viện gửi thông báo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của nghiên cứu sinh.

i. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp cơ sở, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện.

k. Đảm bảo điều kiện thực hành thí nghiệm cho các học phần do Viện phân công; tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh về mặt chuyên môn.

Điều 11. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

a. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.

b. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh phó giáo sư trở lên ở chuyên ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

c. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, có ít nhất 1 bài báo được công bố trên tạp chí chuyên ngành quốc tế.

2. Nhiệm vụ của giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ:

a. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định của Viện.

b. Thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện tư vấn giúp đỡ nghiên cứu sinh trong học tập, nghiên cứu.

Điều 12. Người hướng dẫn

1. Người hướng dẫn luận án tiến sĩ là nhà khoa học đáp ứng đầy đủ quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo và Viện Kiến trúc quốc gia về tiêu chuẩn người hướng dẫn luận án tiến sĩ. Người hướng dẫn luận án tiến sĩ do hội đồng khoa học và đào tạo, cùng với Phòng nghiên cứu đề xuất và được Viện trưởng quyết định.

2. Người hướng dẫn luận án tiến sĩ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có bằng tiến sĩ hoặc có chức danh phó giáo sư trở lên. Nếu là tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải có thâm niên công tác tại cơ quan nghiên cứu hoặc đào tạo ít nhất 3 năm từ khi được cấp bằng Tiến sĩ.

b. Người hướng dẫn chính có tối thiểu 2 công trình khoa học công bố trên tạp chí quốc tế trong vòng 5 năm trở lại.

c. Có đăng ký nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh; đăng ký tên đề tài, hướng nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận nghiên cứu sinh.

d. Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;

e. Sử dụng tốt tiếng Anh phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;

g. Có trách nhiệm cao để hoàn thành nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh;

3. Mỗi nghiên cứu sinh có không quá hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, hội đồng tư vấn đào tạo phải quy định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) và người hướng dẫn thứ hai.

4. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn nghiên cứu sinh được độc lập hướng dẫn nghiên cứu sinh nếu được Viện chấp thuận.

5. Giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn đồng thời không quá 5 nghiên cứu sinh, phó giáo sư hoặc tiến sĩ được hướng dẫn đồng thời không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở đào tạo (kể cả ngoài Viện Kiến trúc quốc gia) mà người đó được mời hướng dẫn, kể cả đồng hướng dẫn và kể cả nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại Viện xin bảo vệ luận án theo quy định tại khoản 8 Điều 34 của Quy định này. Mỗi người hướng dẫn nhận hướng dẫn không quá hai nghiên cứu sinh của cùng một khóa.

6. Khi một người hướng dẫn có hai nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn thì sẽ tạm thời không được nhận thêm nghiên cứu sinh. Khi có đến ba nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án mà không có lý do chính đáng, người hướng dẫn này sẽ không được nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh trong thời gian ít nhất là 2 năm.

7. Viện Kiến trúc quốc gia khuyến khích và tạo điều kiện để hội đồng khoa học và đào tạo, nghiên cứu sinh mời các nhà khoa học ngoài nước (là người Việt Nam hoặc người nước ngoài) có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 của Điều này tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.

8. Đề xuất người hướng dẫn:

a. Nghiên cứu sinh được chọn nhà khoa học có hướng chuyên sâu, hoặc có hướng nghiên cứu phù hợp với hướng của đề tài, hoặc có điều kiện hỗ trợ kinh phí (từ nguồn đề tài nghiên cứu cấp Viện, cấp Bộ, cấp Nhà nước, hay nguồn dự án hợp tác nghiên cứu) để nghiên cứu sinh thực hiện đề tài.

b. Trường hợp nghiên cứu sinh không thể tự chọn, bộ môn sẽ đề xuất người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh với Hội đồng khoa học và đào tạo, chuyển cho TT Đào tạo để trình Viện trưởng quyết định.

9. Hàng năm thực hiện 2 đợt vào cuối tháng 6 và tháng 12 viết bản nhận xét về nghiên cứu sinh, sau khi thông qua bộ môn, gửi về TT Đào tạo.

Điều 13. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.
2. Xác định danh sách các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: Các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh. Danh sách đó phải được hội đồng tư vấn đào tạo thông qua và chuyển về TT Đào tạo để trình Viện trưởng quyết định.
3. Lên kế hoạch làm việc với nghiên cứu sinh theo định kỳ tuần - tháng - quý - năm. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nghiên cứu sinh học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp nghiên cứu sinh công bố các kết quả nghiên cứu.
4. Giúp nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của bộ môn. Giúp nghiên cứu sinh chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng và hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.
5. Nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu và tiến độ đạt được của nghiên cứu sinh tại các buổi báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh trước bộ môn.
6. Duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng đủ các yêu cầu quy định.
7. Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Viện trưởng.

Điều 14. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh

1. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của bộ môn và do bộ môn quản lý, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với bộ môn.
2. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh có nhiệm vụ:
 - a. Thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định.
 - b. Tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của bộ môn.
 - c. Viết báo cáo khoa học, viết ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập, theo danh mục tạp chí quy định tại Phụ lục 5 của Quy định này.

d. Tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Viện.

e. Định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn, TT Đào tạo và bộ môn theo lịch do TT Đào tạo quy định, ít nhất 4 lần một năm.

3. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh phải tham gia vào các hoạt động chuyên môn như trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học theo sự phân công của bộ môn.

4. Vào đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp cho bộ môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm:

a. Những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành.

b. Kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu.

c. Đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình trong năm học mới để bộ môn xem xét đánh giá.

5. Nghiên cứu sinh không được phép:

a. Tìm hiểu hoặc tiếp xúc với người phản biện, liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp Viện trước khi bảo vệ luận án.

b. Tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng cấp Viện.

c. Tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng cấp Viện, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

6. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm nộp học phí:

a. Mức học phí cụ thể do Viện quyết định phù hợp với quy định của Nhà nước. Mức học phí này sẽ được thông báo cho từng nghiên cứu sinh khi nhập học.

Điều 15. Website của Viện: <http://vienkientruc.kientrucvietnam.org.vn/>

1. Chức năng: Trực tiếp đăng tải các thông tin liên quan đến nhiệm vụ đào tạo sau đại học của Viện trên website của Viện.

2. Nhiệm vụ:

a. Đăng tải các thông tin liên quan đến đào tạo sau đại học như:

- Các văn bản và quy chế của công tác đào tạo sau đại học

- Các tin tức và sự kiện liên quan

- Các mẫu giấy tờ

b. Tạo diễn đàn trao đổi cho các nhà khoa học, nghiên cứu sinh trong và ngoài Viện về các chuyên ngành mà Viện tham gia đào tạo.

3. Thành phần:

Thành phần của chuyên mục đào tạo bao gồm 1 lãnh đạo Viện phụ trách, tổ website của Viện và một cán bộ thuộc Trung tâm đào tạo và HTQT phụ trách đào tạo chịu trách nhiệm về cập nhật nội dung thông tin.

CHƯƠNG III: TUYỂN SINH

Điều 16. Thời gian và hình thức tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh: Mỗi năm, tùy theo nhu cầu và chỉ tiêu tuyển sinh, Viện Kiến trúc quốc gia tổ chức từ một đến hai kỳ tuyển nghiên cứu sinh vào tháng 3 và tháng 9.

2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

Điều 17. Điều kiện tham dự xét tuyển

Người dự tuyển nghiên cứu sinh phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

1. Có một trong các bằng tốt nghiệp sau:

a. Có bằng thạc sỹ ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Điểm trung bình tốt nghiệp cao học phải được xếp từ loại “Khá” trở lên.

b. Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy, ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Điểm trung bình tốt nghiệp đại học phải được xếp loại “Giỏi”.

2. Có một bản đề cương về dự định nghiên cứu:

a. Trình bày rõ ràng về đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được.

b. Lý do lựa chọn Viện Kiến trúc quốc gia làm cơ sở đào tạo.

c. Kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo.

d. Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu.

e. Dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp.

f. Đề xuất người hướng dẫn trên cơ sở sự đồng thuận bằng văn bản của người được đề xuất.

3. Có hai thư giới thiệu:

a. Hoặc của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành.

b. Hoặc của một nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh.

c. Những người giới thiệu ở khoản 3a hoặc 3b của Điều 17 này cần có ít nhất 6 tháng cùng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp.
- Năng lực hoạt động chuyên môn.
- Phương pháp làm việc.
- Khả năng nghiên cứu.

- Khả năng làm việc theo nhóm.
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển.
- Triển vọng phát triển về chuyên môn.
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

4. Có đủ trình độ ngoại ngữ (quy định tại Điều 18 của Quy định này) để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án.

5. Đối với những nghiên cứu có yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, trên cơ sở đề xuất của bộ môn, Viện trưởng ra quy định cụ thể về thời gian làm việc chuyên môn mà thí sinh cần có trước khi dự tuyển và được TT Đào tạo nêu rõ trong thông báo tuyển sinh.

6. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển nghiên cứu sinh. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt, không có tiền án - tiền sự và hiện không vi phạm pháp luật.

7. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện Kiến trúc quốc gia (đóng học phí, hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

Điều 18. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển

1. Ngoại ngữ xét tuyển là Tiếng Anh

2. Người dự tuyển phải đáp ứng các yêu cầu về ngoại ngữ như sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành ngoại ngữ một trong các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng là một trong các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học tại các trường trong nước mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là một trong các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật không qua phiên dịch.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ B1 (khung Châu Âu) của một trong các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật trở lên trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ.

Điều 19. Chính sách ưu tiên

1. Có bài báo khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế chuyên ngành.

2. Có chứng chỉ ngoại ngữ B2 (khung châu Âu) trở lên một trong các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật.

3. Được khen thưởng về thành tích học tập hoặc nghiên cứu khoa học (bằng khen, giấy khen) cấp trường, viện trở lên.

4. Người dự tuyển tốt nghiệp đại học hệ chính quy đúng ngành loại giỏi trở lên hoặc hệ cử nhân tài năng, chất lượng cao, chương trình tiên tiến.

Điều 20. Thông báo tuyển sinh, thu nhận hồ sơ, xử lý xét duyệt hồ sơ

1. Chậm nhất ba tháng trước mỗi kỳ tuyển sinh, Viện Kiến trúc quốc gia ra thông báo tuyển sinh và gửi Bộ Giáo dục và đào tạo để báo cáo.

2. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại TT Đào tạo, đăng trên trang website của Viện (<http://vienkientruc.kientrucvietnam.org.vn>):

- a. Chỉ tiêu tuyển sinh.
- b. Kế hoạch tuyển sinh.
- c. Các yêu cầu đối với hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ.
- d. Thời gian xét tuyển, thời gian công bố kết quả tuyển chọn và thời gian nhập học.
- e. Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu, kèm theo danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, số lượng nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận theo từng hướng nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu.

f. Các yêu cầu, thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ tuyển sinh.

3. Hồ sơ dự xét tuyển sinh bao gồm đầy đủ các giấy tờ sau đây:

a. Đơn xin dự thi (ghi rõ địa chỉ gửi thư, điện thoại liên hệ, ngành tốt nghiệp đại học hoặc Cao học và ngành xin dự tuyển nghiên cứu sinh có kèm theo mã số).

b. Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của địa phương nơi cư trú với các đối tượng thuộc diện học tự do, và của cơ quan với các đối tượng đang công tác).

c. Giấy khám sức khỏe.

d. Các văn bản quy định tại Điều 17 và 18 của Quy định này:

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp và bằng điểm tương ứng.
- Bản đề cương về dự định nghiên cứu.
- Các thư giới thiệu.
- Xác nhận trình độ ngoại ngữ.
- Xác nhận đáp ứng đủ yêu cầu về kinh nghiệm làm việc.
- Quyết định hoặc công văn của cơ quan cử/cho phép đi học (không bắt buộc), hoặc xác định nhân thân của địa phương cư trú (đối với người chưa đi làm).

e. Bản sao chụp các bài báo khoa học phù hợp với hướng nghiên cứu đã công bố (nếu có).

f. Hai phong bì ghi sẵn địa chỉ và có dán tem.

g. Bốn ảnh 4×6.

h. Các văn bản khác (nếu có).

3. Thông báo tuyển sinh nêu chi tiết các điều kiện về văn bằng, ngành học, điểm trung bình chung học tập toàn khóa ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ để được dự tuyển vào chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện.

Điều 21. Hội đồng tuyển sinh

1. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các Ủy viên.

- a. Chủ tịch: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng uỷ quyền.
- b. Ủy viên thường trực: Giám đốc hoặc Phó giám đốc TT Đào tạo
- c. Các Ủy viên: Các giáo sư, tiến sĩ cùng chuyên ngành tuyển.
- d. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

- a. Thông báo tuyển sinh.
- b. Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển.
- c. Tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển.
- d. Tổng kết công tác tuyển sinh, quyết định khen thưởng và kỷ luật, báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a. Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh nêu tại Chương III của Quy định này.

b. Quyết định và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương III của Quy định này.

c. Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban và tiểu ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

Điều 22. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các Ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- a. Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển, thu lệ phí dự tuyển.
- b. Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới các Tiểu ban chuyên môn.
- c. Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các Tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét kết luận.
- d. Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 23. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Giám đốc TT Đào tạo đề xuất các Tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng Tiểu ban, trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh:

a. Có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là cán bộ khoa học, giảng viên của Viện hoặc ngoài Viện do Viện mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển.

b. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban.

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm:

a. Tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương về dự định nghiên cứu và chất lượng trình bày, tranh luận xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh.

b. Xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển.

c. Gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 24. Quy trình xét tuyển

1. Thành viên Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua:

a. Trường và ngành tốt nghiệp đại học, cao học

b. Kết quả học tập ở trình độ đại học, cao học.

c. Trình độ ngoại ngữ.

d. Thành tích nghiên cứu khoa học đã có.

e. Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn.

f. Chất lượng đề cương về dự định nghiên cứu.

g. Ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu.

h. Chất lượng và trình độ của thí sinh thông qua phỏng vấn.

2. Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh:

a. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn.

b. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt:

- Tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ.

- Tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh.
- Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản kết luận nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này.

3. Căn cứ các yêu cầu đánh giá, tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả xếp loại các thí sinh, yêu cầu của các hướng nghiên cứu, năng lực của người hướng dẫn và điều kiện cơ sở vật chất, tài chính của đơn vị chuyên môn, tổ chức họp, lập danh sách thí sinh dự định tuyển, trình Viện trưởng phê duyệt danh sách trúng tuyển.

Điều 25. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Viện trưởng phê duyệt, TT Đào tạo gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Viện trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh có ghi rõ:

- Hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định).
- Chuyên ngành và mã số của chuyên ngành.
- Người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn.
- Thời gian đào tạo của Nghiên cứu sinh theo quy định tại điều 4 của Quy định này.

Chương IV. CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 26. Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ:

a. Nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành, có kiến thức rộng về các ngành liên quan, tự học các kiến thức lý luận nền tảng, các kiến thức có tính ứng dụng của ngành/chuyên ngành.

b. Hỗ trợ nghiên cứu sinh tự rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng độc lập xác định vấn đề và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết.

c. Hỗ trợ nghiên cứu sinh tự rèn luyện phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu của mình.

2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học, coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

a. Phần 1: Các học phần bổ sung, học phần chuyển đổi.

b. Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

c. Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Chuyên đề tiến sĩ trình độ tiến sĩ có khối lượng và yêu cầu quy định tại các Điều 29, 30 và 31 của Quy định này.

4 Hội đồng Khoa học tạo của Viện tổ chức xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ. Chương trình đào tạo tiến sĩ quy định tại Quy chế này được xem xét, chỉnh sửa, bổ sung ít nhất 2 năm một lần.

Điều 27. Các học phần bổ sung, chuyển đổi

Các học phần bổ sung, chuyển đổi là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và đạt được trình độ chuyên môn cơ bản để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

1. Các nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ:

a NCS có thời gian tốt nghiệp cao học chưa quá 10 năm (tính tới thời điểm ra quyết định công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh) và ngành tốt nghiệp đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký, không phải tham gia học các học phần bổ sung.

b. NCS đã tốt nghiệp quá 10 năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Viện đề xuất một danh mục các học phần bổ sung, chọn từ chương trình đào tạo thạc sĩ nêu tại Khoản 2 Điều này của Quy chế này, trình Lãnh đạo viện quyết định (chi tiết tại Phụ lục 2).

2. Các nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, ngành tốt nghiệp đại học phù hợp với chuyên ngành đăng ký, phải tham gia học các học phần bổ sung. Các học phần bổ sung bao gồm toàn bộ các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành hóa học hữu cơ hoặc chuyên ngành phù hợp tại các cơ sở đào tạo phối hợp (Trường Đại học Xây dựng Hà Nội hoặc các cơ sở đào tạo phối hợp khác do Viện gửi đến học). Danh mục các học phần bổ sung cho nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ được chi tiết hóa tại Phụ lục 2).

3. Trong trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, người hướng dẫn có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học. Sau khi thông qua hội đồng, người hướng dẫn chuyển danh sách học phần bổ sung cho TT Đào tạo để theo dõi thực hiện.

4. Các học phần bổ sung, chuyển đổi được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng từ 27 đến 36 tín chỉ, chưa kể các môn triết học và ngoại ngữ.

5. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Viện có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

6. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Viện trưởng quyết định các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung, khối lượng tín chỉ theo quy định tại Khoản 2, 3 và 5 Điều này.

7. Đối với các học phần chuyển đổi, bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học ở các lớp đào tạo trình độ tương ứng tại cơ sở đào tạo phối hợp do Viện gửi đến học.

Điều 28. Các học phần trình độ Tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Các học phần trình độ tiến sĩ

a. Các học phần trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới, nâng cao kiến thức khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực lý thuyết và lịch sử kiến trúc, và kiến thức liên ngành thiết yếu trong lĩnh vực kiến trúc nói chung, bao gồm phương pháp luận, lý thuyết, thực hành và ứng dụng.

b. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn:

- Các học phần bắt buộc là các học phần căn bản, liên quan đến các kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của chuyên ngành mà Viện đang đào tạo.
- Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với hướng nghiên cứu, đề tài luận án hoặc hỗ trợ nghiên cứu sinh có kiến thức, rèn luyện phương pháp, kỹ năng nghiên cứu và thực hành, viết bài báo khoa học chuyên ngành và liên ngành.

c. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ, trong đó có 3 học phần bắt buộc.

d. Mỗi học phần trình độ tiến sĩ được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Danh mục các học phần trình độ tiến sĩ bắt buộc và tự chọn được nêu trong Phụ lục 3.

e. Các học phần bổ sung trình độ tiến sĩ được hoàn thành trong hai năm đầu với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ và trong năm thứ 2 và 3 đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ.

2. Các chuyên đề tiến sĩ

a. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới, khả năng phân tích, đánh giá theo phương pháp luận khoa học các hiện trạng tri thức khoa học. Nội dung các chuyên đề tiến sĩ liên quan trực tiếp hoặc hỗ trợ cho đề tài luận án, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi chuyên đề tiến sĩ có khối lượng 2 tín chỉ.

b. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ. Mỗi chuyên đề tiến sĩ có khối lượng khoảng 10 - 15 trang A4 với đầy đủ tài liệu tham khảo, trích dẫn tên tác giả theo văn ABC.

c. Người hướng dẫn và nghiên cứu sinh có nhiệm vụ đề xuất tên và đề cương mô tả nội dung chuyên đề tiến sĩ (Phụ lục 3) và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua.

d. Các chuyên đề tiến sĩ được hoàn thành trong hai năm cuối của chương trình đào tạo.

3. Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án:

a. Trong bài tiểu luận tổng quan, nghiên cứu sinh cần phải tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần nghiên cứu giải quyết.

b. Tiểu luận tổng quan in trên khổ A4, khối lượng khoảng 20 - 30 trang với đầy đủ tài liệu tham khảo, trích dẫn tên tác giả theo vần ABC.

c. Tiểu luận tổng quan được hoàn thành trong 2 năm đầu của quá trình đào tạo.

4. Khuyến khích nghiên cứu sinh hoàn thành sớm trước thời hạn các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

Điều 29. Tổ chức giảng dạy, đánh giá, cấp chứng chỉ hoàn thành các học phần trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ vào trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Viện và người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải:

a. Xác định các học phần chuyển đổi, bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ (theo điều 29 của Quy chế này);

b. Xác định các học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan (theo điều 30 của Quy chế này) sao cho phù hợp thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh, trình Viện trưởng phê duyệt.

2. TT Đào tạo của Viện có trách nhiệm cùng với nghiên cứu sinh xây dựng kế hoạch học tập, lên kế hoạch đề trong thời gian tối đa là 24 tháng (với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ) kể từ khi trúng tuyển, tổ chức cho nghiên cứu sinh hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Thông báo trước khi khai giảng mỗi khóa đào tạo tiến sĩ các nội dung sau để nghiên cứu sinh thực hiện:

a. Danh mục, yêu cầu và nội dung chương trình đào tạo với các học phần chuyển đổi, bổ sung, học phần trình độ thạc sĩ, học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của mỗi nghiên cứu sinh.

b. Cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan mà nghiên cứu sinh cần đạt.

3. Giảng dạy các học phần trình độ đại học, thạc sĩ:

TT Đào tạo có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở đào tạo liên kết tổ chức để nghiên cứu sinh theo học các học phần chuyển đổi, bổ sung ở trình độ đại học, các học phần trình độ thạc sĩ tại cơ sở đào tạo liên kết hoặc tại Viện. Nghiên cứu sinh có nhiệm vụ báo cáo kết quả thường kỳ cho Phòng nghiên cứu của nghiên cứu sinh, TT Đào tạo, và người hướng dẫn.

4. Giảng dạy các học phần trình độ tiến sĩ

a. Các học phần ở trình độ tiến sĩ do Viện tổ chức thực hiện.

b. TT Đào tạo phối hợp với các giảng viên tổ chức giảng dạy các học phần trình độ tiến sĩ.

c. Việc giảng dạy và thi kết thúc học phần được thực hiện không phụ thuộc vào số lượng người học, được thực hiện trong năm thứ nhất hoặc thứ hai của chương trình đào tạo. Thời gian thi do giảng viên giảng dạy quyết định.

5. Thực hiện các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan.

- Các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng tự học và tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh dưới sự trợ giúp của người hướng dẫn nghiên cứu sinh.

- Khuyến khích các nghiên cứu sinh hoàn thành trước thời hạn các môn chuyên đề và tiểu luận tổng quan. Nghiên cứu sinh muốn bảo vệ các môn chuyên đề và tiểu luận tổng quan cần gửi đơn đề nghị có sự đồng ý của người hướng dẫn cho TT Đào tạo.

6. Hình thức đánh giá:

a. Các học phần ở trình độ tiến sĩ được đánh giá bằng hình thức thi chấm điểm.

b. Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan được đánh giá bằng hình thức tổ chức bảo vệ trước tiểu ban chấm chuyên đề. Trên cơ sở đề xuất của Phòng nghiên cứu, TT Đào tạo trình Viện trưởng ra quyết định thành lập tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan. Tiểu ban có 3 thành viên, bao gồm: chủ tịch, thư ký và ủy viên hội đồng; là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư, có kinh nghiệm, chuyên môn về chuyên đề của nghiên cứu sinh.

7. Việc chấm điểm đánh giá các học phần trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan như sau:

a. Chấm theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy. Điểm học phần trình độ tiến sĩ là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra (nếu có) và điểm thi kết thúc môn học (tổng của tất cả các điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc môn học đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết môn học). Điểm chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan là điểm trung bình cộng mà các thành viên hội đồng đã chấm.

b. Điểm học phần trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan được làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ với mức như sau:

• Tín chỉ bảng chuyển đổi:

Điểm số từ	8,5 - 10	chuyển thành	Điểm A (Giỏi)
Điểm số từ	7,0 - 8,4	chuyển thành	Điểm B (Khá)
Điểm số từ	5,5 - 6,9	chuyển thành	Điểm C (Trung bình)
Điểm số từ	4,0 - 5,4	chuyển thành	Điểm D (Dưới trung bình)

• Các học phần trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan này được coi là đạt yêu cầu khi có điểm từ mức C trở lên, không đạt yêu cầu khi chỉ có điểm ở mức D.

- Khi nghiên cứu sinh có điểm ở mức D, Phòng Đào tạo tổ chức cho nghiên cứu sinh thi lại hoặc lập hội đồng chấm lại sau 03 tháng. Không tổ chức thi lại lần 3.
- Khi nghiên cứu sinh có tất cả các kết quả đánh giá học phần trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan từ mức C trở lên thì được coi là đủ điều kiện để được tiếp tục chương trình đào tạo tiến sĩ.

c. Những nghiên cứu sinh có kết quả các học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan không đủ điều kiện tiếp tục làm nghiên cứu sinh thì có thể được xem xét cấp bằng thạc sĩ nếu có đủ các thủ tục bảo vệ luận án thạc sĩ được quy định tại Khoản 9 Điều 33 của Quy chế này.

d. Trên cơ sở kết quả học tập, TT Đào tạo trình độ Viện trưởng cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo với các học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

Điều 30. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn chính, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ. Đây là giai đoạn mà nghiên cứu sinh có thể đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới, hình thành các cơ sở quan trọng nhất để viết nên luận án tiến sĩ.

2. Trên cơ sở tính chất của lĩnh vực nghiên cứu thuộc khoa học tự nhiên hay khoa học kỹ thuật - công nghệ, hội đồng tư vấn đào tạo, các bộ môn và người hướng dẫn có các yêu cầu cụ thể đối với việc nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh:

a. Đánh giá hiện trạng tri thức, hiện trạng giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án.

b. Yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết.

c. Yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, gắn liền với thí nghiệm.

d. Phân tích, đánh giá các kết quả thu được từ quá trình suy luận khoa học hay thí nghiệm.

3. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Với sự hỗ trợ tài chính của Viện trong khuôn khổ chủ trương gắn liền nghiên cứu khoa học với đào tạo tiến sĩ, tùy theo tính chất của đề tài mà người hướng dẫn và nghiên cứu sinh phải xây dựng phương án đầu tư đủ kinh phí và cơ sở vật chất thí nghiệm để nghiên cứu sinh tiến hành thành công các nghiên cứu cần thiết. nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến, nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học hoặc Viện hỗ trợ (nếu có điều kiện).

4. Nghiên cứu sinh báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức seminar khoa học tại Phòng nghiên cứu sáu tháng một lần và ở cấp Viện một năm một lần.

5. Viện khuyến khích và tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh đề xuất và đăng ký nhận thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học để có kinh phí hỗ trợ thực hiện luận án.

Điều 31. Luận án Tiến sĩ

Luận án Tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học độc đáo – sáng tạo, có đóng góp mới về mặt lý luận hoặc giải pháp công nghệ, chứa đựng những tri thức mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của chuyên ngành hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn xã hội.

Quyển luận án tiến sĩ:

1. Có khối lượng khoảng 100 trang khổ A4. Trong đó trên 50% trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.
2. Phải đáp ứng các quy định cụ thể tại Điều 34 của Quy định này.

Điều 32. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án

1. Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a. Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là một trong các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật.

b. Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là một trong các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật không qua phiên dịch.

c. Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ một trong các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật.

d. Có chứng chỉ ngoại ngữ B2 (khung châu Âu) trở lên một trong các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật.

đ. Chứng chỉ ngoại ngữ của những trung tâm khảo thí ngoại ngữ trong nước

2. Chứng chỉ ngoại ngữ nêu tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 của Điều này có giá trị sử dụng trong thời hạn 2 năm kể từ ngày được cấp tính đến thời điểm bảo vệ cấp cơ sở.

Điều 33. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn thực hiện chậm nhất một năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

3. Khi có lý do chính đáng, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất là một năm, được Viện Kiến trúc quốc gia đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là Nghiên cứu sinh của cơ sở chuyển đến.

4. Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được thông qua ở hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn.

5. Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì:

a. Chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập gửi TT Đào tạo gồm:

- Đơn xin gia hạn.
- Thời gian đề nghị gia hạn.
- Các nội dung nghiên cứu đã làm được.
- Các nội dung nghiên cứu cần tiếp tục hoàn thành.
- Kế hoạch cụ thể, chi tiết, biện pháp, kinh phí để thực hiện kế hoạch nội dung đó.
- Có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có).

b. Căn cứ vào ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về hồ sơ xin gia hạn, TT Đào tạo trình Viện trưởng ra quyết định. Chỉ giải quyết gia hạn học tập khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu.

c. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của TT Đào tạo.

d. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng.

6. Khi nghiên cứu sinh hoàn thành xuất sắc chương trình đào tạo và đề tài nghiên cứu thể hiện qua kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước hoặc nước ngoài có uy tín, nghiên cứu sinh có thể đề nghị được bảo vệ sớm luận án. TT Đào tạo xem xét trình Viện trưởng quyết định việc bảo vệ sớm trên cơ sở:

- a. Kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh.
- b. Đề nghị của người hướng dẫn.
- c. Ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo, Phòng nghiên cứu.

7. Khi nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi nghiên cứu sinh bảo vệ sớm trước thời hạn), Viện gửi văn bản thông báo cho đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của nghiên cứu sinh trong quá trình học tập tại Viện Kiến trúc quốc gia.

8. Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án:

a. Nghiên cứu sinh vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại Viện trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học, được người hướng dẫn, được Hội đồng Khoa học – Đào tạo viện đồng ý.

b. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Quá thời gian này, nghiên cứu sinh

không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

9. Nghiên cứu sinh muốn được cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp đã theo học cần phải có các điều kiện sau:

- a. Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ.
- b. Đã hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp tại cơ sở đào tạo liên kết mà Viện gửi đến học.
- c. Thời gian đào tạo chưa quá 3 năm (36 tháng) kể từ ngày được công nhận nghiên cứu sinh.
- d. Hoàn thành hồ sơ xin cấp bằng thạc sĩ bao gồm:
 - Đơn đề nghị của nghiên cứu sinh, trong đó nêu rõ lý do không tiếp tục chương trình đào tạo tiến sĩ, các điều kiện về văn bằng và kết quả nghiên cứu khoa học của luận án thạc sĩ.
 - Bản nhận xét và đề nghị của người hướng dẫn và Phòng nghiên cứu trong đó có ý kiến về tinh thần, thái độ làm việc của nghiên cứu sinh, đánh giá về các kết quả nghiên cứu khoa học đã đạt được đủ để viết một luận văn thạc sĩ khoa học.
- e. Có văn bản xác nhận đồng ý của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi xem xét, đánh giá hồ sơ của nghiên cứu sinh;
- f. Được sự chấp thuận của Viện trưởng.
- g. Viện phối hợp với cơ sở đào tạo nơi nghiên cứu sinh đã theo học chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành làm thủ tục để nghiên cứu sinh được phép bảo vệ luận án thạc sĩ.
- h. Được cơ sở đào tạo phối hợp đồng ý, cho phép bảo vệ luận văn và cấp bằng Thạc sĩ.
- i. Việc thực hiện luận văn, lập hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ và cấp bằng theo đúng các qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo và các cơ sở đào tạo có liên quan.
- k. Nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm cho các chi phí trong quá trình làm hồ sơ, bảo vệ xin cấp bằng thạc sĩ theo thông báo của Viện và của cơ sở đào tạo phối hợp.

Chương V. LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 34. Yêu cầu đối với luận án Tiến sĩ

1. Yêu cầu về nội dung và cách thức trình bày của luận án tiến sĩ:
 - a. Luận án tiến sĩ phải là một công trình khoa học độc đáo - sáng tạo, có đóng góp mới về mặt lý luận, chứa đựng tri thức mới, các giải pháp mới, ứng dụng mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học, công nghệ, giải quyết các vấn đề đang đặt ra của ngành hóa nói chung, lĩnh vực chuyên ngành nói riêng hoặc thực tiễn xã hội.
 - b. Phải do nghiên cứu sinh thực hiện.

- c. Luận án phải được trình bày bằng ngôn ngữ, văn phong khoa học.
 - d. Luận án vận dụng những lý luận cơ bản và hiện đại của ngành hóa học và các ngành, chuyên ngành có liên quan để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến nội dung đề tài luận án, đặt ra các vấn đề mới, các giả thuyết, giải pháp mới để thực hiện các mục tiêu và nội dung nghiên cứu khoa học của luận án.
 - e. Sử dụng các kỹ thuật, các phương pháp nghiên cứu hiện đại, thực chứng nhằm chứng minh các giả thuyết đã đặt ra, đạt được các kết quả mới, tư liệu mới cho các vấn đề nội dung của luận án.
 - f. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình;
 - g. Có khối lượng khoảng 100 trang (không kể hình vẽ, bảng biểu, đồ thị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục) trên giấy trắng khổ A4 (210mm x 297mm), trong đó trên 50% là các kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh;
 - h. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh;
 - i. Luận án được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc; không tẩy xóa;
 - k. Luận án phải được đóng bìa cứng.
2. Kết cấu luận án tiến sĩ chuyên ngành bao gồm các phần chính sau:
 - a. Mở đầu;
 - b. Tổng quan tài liệu, tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước;
 - c. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu;
 - d. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu;
 - e. Nội dung nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm.
 - f. Kết quả và thảo luận;
 - g. Kết luận và kiến nghị;
 - h. Danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án;
 - i. Tài liệu tham khảo;
 - k. Phụ lục.
 3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân theo các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.
 4. Nếu luận án là một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Viện các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.
 5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác phải được trích dẫn nguồn tư liệu đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (bảng biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn nguồn tài liệu thì luận án bị coi là vi phạm bản quyền, và không được duyệt bảo vệ.

6. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được phân thành mục các tiếng Việt, Nga, Anh, Pháp, Đức và được liệt kê theo thứ tự tên (hoặc họ) của tác giả đứng đầu theo vần ABC của ngôn ngữ đó, bao gồm tên tác giả, năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí, số tập, số trang. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn trong luận án.

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án:

a. Phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học toàn quốc hàng năm của ngành hóa học và các ngành liên quan.

b. Phải được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập. Các tạp chí khoa học trong nước thuộc nhóm các tạp chí chuyên ngành được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước đánh giá điểm công trình đến 1 điểm, đồng thời thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành mà Viện quy định.

c. Danh mục các tạp chí khoa học trong nước mà Nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu thuộc chuyên ngành lý thuyết và lịch sử kiến trúc được quy định tại Phụ lục 5.

d. Khuyến khích nghiên cứu sinh đăng bài trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, các tạp chí do Viện thông tin khoa học quốc tế ISI liệt kê tại địa chỉ <http://scientific.thomson.com/isi/> hoặc các kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

8. Cách trình bày luận án tiến sĩ, tóm tắt luận án sẽ được quy định cụ thể trong văn bản hướng dẫn của Viện.

Điều 35. Hình thức đánh giá và điều kiện bảo vệ luận án

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a. Cấp Bộ môn.

b. Cấp Viện.

2. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ luận án:

a. Đã hoàn thành luận án và chương trình học tập quy định tại chương III của Quy chế này;

b. Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 34 của Quy chế này;

c. Tập thể hoặc người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

d. Nội dung chủ yếu của luận án đã được báo cáo trong các buổi sinh hoạt khoa học, xêmina của Phòng chuyên môn;

đ. Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

e. Đáp ứng đầy đủ các điều kiện, yêu cầu cụ thể đối với luận án tiến sĩ, hồ sơ bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở được quy định trong các văn bản hướng dẫn mà Viện đã ban hành.

3. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ luận án cấp Viện được quy định tại Điều 38.

Điều 36. Đánh giá luận án cấp Bộ môn

1. Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 36 của Quy chế này, căn cứ đề nghị của nghiên cứu sinh và người hướng dẫn, Trưởng đơn vị chuyên môn đề nghị Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở.

2. Nghiên cứu sinh chuẩn bị hồ sơ bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở nộp cho Phòng Đào tạo của Viện, gồm:

- a. Đơn xin bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở của nghiên cứu sinh;
- b. Văn bản nhận xét và đề nghị của người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh bảo vệ cấp cơ sở (có xác nhận của Trưởng phòng nghiên cứu);
- c. Lý lịch khoa học mới nhất có bổ sung đầy đủ;
- d. 08 bản luận án được đóng bìa mềm;
- đ. 08 bản tóm tắt luận án;
- e. 08 bản tuyển tập các công trình công bố các nội dung kết quả luận án;
- g. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả về các công trình khoa học sử dụng trong luận án.

3. Thành phần của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở:

a. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, bao gồm: Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng.

b. Thành viên Hội đồng có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ (từ 3 năm trở lên), am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có tối đa 5 thành viên là cán bộ khoa học của đơn vị chuyên môn và trong Viện; và có từ 2 trở lên là các nhà khoa học, hoặc chuyên gia ở ngoài Viện. Có ít nhất một phản biện là nhà khoa học ngoài Viện. Người hướng dẫn có thể tham gia làm ủy viên của Hội đồng cấp cơ sở. Các thành viên Hội đồng không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh, không là cán bộ cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh.

Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

4. TT Đào tạo xem xét hồ sơ xin bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở của nghiên cứu sinh theo các quy định đã ban hành, trình Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án.

5. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước ngày tổ chức họp Hội đồng ít nhất là 10 ngày làm việc. Các thành viên của Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi tham dự phiên họp.

6. Thư ký Hội đồng có trách nhiệm:

- a. Nhận tại TT Đào tạo hồ sơ bảo vệ cấp cơ sở bao gồm:

- Bản nhận xét của hai người phản biện luận án;
- Mẫu biên bản cuộc họp và biên bản ghi câu hỏi và trả lời;
- Phiếu đánh giá luận án;

b. Chuẩn bị dự thảo kết luận của Hội đồng: Nội dung kết luận của Hội đồng bao gồm 6 vấn đề chính sau:

Tên đề tài có phù hợp với nội dung luận án. Nội dung luận án có phù hợp với tên và mã số chuyên ngành; có trùng lặp với các luận án đã bảo vệ hay không?

- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài là gì, nêu cụ thể.
- Những kết quả mới, đóng góp mới của luận án.
- Những thiếu sót, những vấn đề cần bổ sung và sửa chữa.
- Mức độ đáp ứng về cả nội dung, kết quả nghiên cứu và hình thức theo quy định tại Điều 34 của Quy chế này.
- Kết luận: Có đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện không?

7. Hội đồng cấp cơ sở không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành cho phép bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện;
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

8. Hội đồng có trách nhiệm:

- Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu nghiên cứu của luận án.
- Đánh giá nội dung, khối lượng, chất lượng của các kết quả nghiên cứu luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học.
- Chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và các yêu cầu đề nghị nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

d. Thông qua danh sách các đơn vị và các cá nhân được gửi bản tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh. Danh sách gửi bản tóm tắt phải đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng các vấn đề trong luận án. Số lượng cá nhân trong Viện không vượt quá một phần tư tổng số cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

9. Trình tự buổi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở:

- Đại diện Viện - Phòng Đào tạo tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở của Viện trưởng, sau đó chuyển quyền điều khiển buổi bảo vệ cho Chủ tịch Hội đồng.

b. Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên Hội đồng có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc.

c. Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án: Không đọc tóm tắt luận án hoặc văn bản chuẩn bị trước, không hạn chế thời gian trình bày của nghiên cứu sinh.

d. Người giới thiệu luận án đọc nhận xét.

đ. Thành viên Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc góp ý về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được và những điều cần bổ sung hoặc sửa chữa.

e. Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi đã nêu ra và các ý kiến trao đổi.

g. Khi không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng họp riêng. Từng thành viên Hội đồng viết phiếu nhận xét và ghi rõ tán thành hay không tán thành để luận án được bảo vệ ở Hội đồng chấm luận án cấp Viện.

h. Nếu được ba phần tư số thành viên có mặt trở lên tán thành thì luận án đạt yêu cầu. Dựa vào nhận xét của các thành viên và dự thảo kết luận, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng.

i. Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng trong đó nêu rõ kết quả và điểm mới của luận án.

k. Hội đồng thông qua danh sách gửi bản tóm tắt luận án (20 cán bộ nghiên cứu cùng chuyên ngành hoặc chuyên ngành phù hợp trong và ngoài Viện).

10. Buổi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của phòng, đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên đơn vị chuyên môn và cán bộ khoa học trong và ngoài Viện có thể tham dự, tranh thủ các ý kiến đóng góp cho đề tài luận án.

11. Khi luận án vẫn còn những điều cần sửa chữa, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở được tổ chức lại nhưng không quá 3 phiên họp. Trong mỗi phiên họp, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải chỉ ra những điều làm được và chưa được trên cơ sở so sánh với các yêu cầu của phiên họp lần trước. Các phiên họp được tổ chức cách nhau ít nhất 3 tháng.

12. Hoàn thiện hồ sơ luận án tiến sĩ đã bảo vệ cấp cơ sở

a. Trong vòng hai tuần sau buổi bảo vệ tiến sĩ cấp cơ sở, Thư ký Hội đồng cấp cơ sở hoàn thành và nộp cho Phòng Đào tạo:

- 02 biên bản buổi bảo vệ và biên bản ghi câu hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng.
- Phiếu đánh giá luận án đã có chữ ký của các thành viên Hội đồng đã tham dự.
- Bản nhận xét luận án của hai người phản biện.
- 02 bản danh sách gửi xin nhận xét tóm tắt luận án.

b. Trong vòng 2 tháng sau buổi bảo vệ cấp cơ sở, nghiên cứu sinh nộp cho Phòng Đào tạo:

- 02 quyển luận án đóng bìa mềm và 02 quyển tóm tắt luận án dùng cho phản biện độc lập: trình bày quyển luận án và quyển tóm tắt luận án theo quy cách đã quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Quy chế này, trong đó đã loại bỏ tất cả các thông tin liên quan đến nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và cơ sở đào tạo.
- 01 quyển tóm tắt luận án có đầy đủ các thông tin liên quan đến nghiên cứu sinh và người hướng dẫn.
- 02 bản xác nhận đã sửa chữa và bổ sung nội dung luận án, có chữ ký của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn, các phản biện và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở

Điều 37. Phản biện độc lập

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, Viện trưởng xin ý kiến của hai phản biện độc lập về luận án:

a. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học.

b. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Viện trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện.

c. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài.

2. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện:

a. Danh sách phản biện độc lập được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 8 của Quy định này và do TT Đào tạo quản lý.

b. Danh sách phản biện độc lập có thể được cập nhật thay đổi khi có yêu cầu của các hội đồng khoa học và đào tạo hoặc có yêu cầu của TT Đào tạo.

c. Trên cơ sở tên chuyên ngành và mã số, TT Đào tạo đề xuất và trình đề Viện trưởng quyết định chọn hai phản biện độc lập.

d. Bộ môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về hai phản biện độc lập đã được Viện trưởng quyết định chọn.

e. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

3. Việc xử lý sau khi có ý kiến của hai phản biện độc lập được thực hiện như sau:

a. Cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, TT Đào tạo trình Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

b. Có một phản biện độc lập không tán thành luận án, TT Đào tạo trình Viện trưởng quyết định chọn và gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp bộ môn nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện độc lập thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Trong trường hợp này:

a. Luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp bộ môn.

b. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ cấp Viện sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm, kể từ ngày luận án bị trả lại.

c. Khi trình hồ sơ, luận án phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập như lần thứ nhất.

5. Quy trình phản biện độc lập:

a. Trên cơ sở danh sách các nhà khoa học đủ điều kiện làm phản biện độc lập thuộc mã số chuyên ngành của luận án, lãnh đạo TT Đào tạo phụ trách đào tạo tiến sĩ sẽ chọn 2 người làm phản biện độc lập.

b. Để đảm bảo yêu cầu bảo mật, lãnh đạo TT Đào tạo phụ trách đào tạo tiến sĩ trực tiếp:

- Gửi giấy mời đọc và nhận xét luận án, kèm theo mẫu bản nhận xét (với các nội dung cần nhận xét quy định tại Điểm c của điều này) tới phản biện độc lập.
- Yêu cầu phản biện độc lập gửi bản nhận xét (có ký tên và xác nhận chữ ký của cơ quan nơi phản biện độc lập công tác) tới đích danh lãnh đạo TT Đào tạo phụ trách đào tạo tiến sĩ đã gửi giấy mời.

c. Tiếp thu các ý kiến nhận xét: Sau khi nhận được văn bản nhận xét của phản biện độc lập.

- TT Đào tạo sao và chuyển văn bản nhận xét của phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh. Trên bản sao có ý kiến của TT Đào tạo và đã loại bỏ các thông tin liên quan tới phản biện độc lập.
- Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn nghiên cứu kỹ các ý kiến của phản biện độc lập và của TT Đào tạo (nếu có) và viết bản tiếp thu ý kiến của các phản biện độc lập.
- Bản tiếp thu phải nêu rõ và cụ thể:
 - + Phần nào, mục nào (ở trang bao nhiêu) đã được sửa chữa.
 - + Những ý kiến được bảo lưu và cần được tranh luận trong buổi bảo vệ
 - + Những ý kiến được giải trình trong bản tiếp thu.
 - + Cuối bản tiếp thu có chữ kí của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và lãnh đạo Trung tâm Đào tạo & Hợp tác quốc tế.

d. Khi luận án đã đáp ứng được các quy định về phản biện độc lập tại khoản 3 và 4 của Điều này, TT Đào tạo sẽ tiến hành các thủ tục đánh giá luận án cấp Bộ môn quy định tại Điều 39 của Quy định này.

Điều 38. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện

Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện gồm có:

1. Các thông tin về nghiên cứu sinh:
 - a. Lý lịch khoa học mới nhất có bổ sung đầy đủ;
 - b. Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và những quyết định đã có trong quá trình đào tạo.
 - c. Bản sao hợp lệ bằng, bảng điểm tốt nghiệp đại học, thạc sĩ (nếu có);
2. Các thông tin về quá trình đào tạo:
 - a. Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có);
 - b. Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chứng chỉ đã hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan;
 - c. Bản sao hợp lệ chứng chỉ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh đạt yêu cầu như quy định tại Điều 33 Quy chế này;
3. Các thông tin về đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở
 - a. Đơn đề nghị bảo vệ luận án cấp cơ sở của nghiên cứu sinh và người hướng dẫn;
 - b. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở,
 - c. Hai bản nhận xét của hai người phản biện luận án cấp cơ sở và nhận xét của các thành viên Hội đồng cơ sở.
 - d. Biên bản nội dung thảo luận, kết luận của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký;
 - đ. Bản giải trình các điểm đã bổ sung có sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận của:
 - Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở;
 - Những thành viên có ý kiến yêu cầu bổ sung, sửa chữa;
 - Trưởng đơn vị chuyên môn.
4. Các thông tin về phản biện độc lập của luận án
 - a. Bản nhận xét, yêu cầu của các phản biện độc lập;
 - b. Bản tiếp thu ý kiến, giải trình làm rõ các câu hỏi, nhận xét, yêu cầu của phản biện độc lập có chữ ký của nghiên cứu sinh và người hướng dẫn;
5. Luận án
 - a. 07 quyển luận án đã chỉnh sửa theo yêu cầu của Hội đồng cấp cơ sở và của phản biện độc lập;
 - b. 07 tóm tắt luận án;
 - c. 08 bản kê khai danh mục và kèm bản sao những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;
 - d. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình có đồng tác giả);
 - đ. Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi bản tóm tắt luận án;

e. 02 bản trích yếu luận án (trang thông tin về những đóng góp về mặt học thuật, lý luận của luận án bằng tiếng Anh và tiếng Việt). Nội dung gồm:

- Tên nghiên cứu sinh và khóa đào tạo, tên Viện.
- Tên luận án.
- Tên chuyên ngành và mã số.
- Chức danh khoa học, học vị và họ tên của người hướng dẫn.
- Mô tả ngắn gọn về mặt học thuật, lý luận, nội dung, những luận điểm mới, kết quả mới đạt được của luận án tiến sĩ.
- Chữ ký và họ tên của nghiên cứu sinh.

g. Đĩa CD chứa toàn bộ luận án, bản tóm tắt luận án có đầy đủ các thông tin, trích yếu luận án và thông tin tóm tắt về luận án sẽ thông báo trên trang Web.

6. Đơn xin bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện có xác nhận của người hướng dẫn và Phòng chuyên môn.

7. Các tài liệu khác theo quy định của Viện trưởng.

Điều 39. Đánh giá luận án cấp Viện

1. Trên cơ sở đề xuất của Phòng nghiên cứu, TT Đào tạo xem xét hồ sơ xin bảo vệ luận tiến sĩ cấp Viện của nghiên cứu sinh và trình Viện trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có 7 thành viên:

a. Là những nhà khoa học:

- Có chức danh khoa học.
- Có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ.
- Có uy tín chuyên môn, am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án.
- Có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng ba năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng.

b. Ít nhất 4 thành viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư.

c. Thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng tiến sĩ trên ba năm.

d. Số thành viên thuộc Viện Kiến trúc quốc gia không quá ba người.

2. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, ba người phản biện và các Ủy viên:

a. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng.

b. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn đúng với CN của luận án, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư.

c. Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó, có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án.

d. Không hạn chế số lượng phản biện độc lập của luận án tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Trong đó, không quá 1 phản biện độc lập tiếp tục nhận nhiệm vụ NPB cho luận án.

e. Ba người phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn khoa học của nghiên cứu sinh, người có quan hệ ruột thịt (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em) với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Điều 40. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp Viện

1. TT Đào tạo có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức bảo vệ luận án cho nghiên cứu sinh.

2. Việc tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án, đảm bảo các nguyên tắc:

a. Công khai thời gian, địa điểm và tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh trước buổi bảo vệ ít nhất 10 ngày:

- Trên báo của Thủ đô Hà Nội hoặc trên báo trung ương.
- Trên trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trang web của Viện.

b. Công khai nội dung trước buổi bảo vệ ít nhất 30 ngày (trừ các đề tài bảo vệ mật):

- Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng.
- Tóm tắt luận án đã được gửi đến các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Viện trưởng quyết định.
- Luận án, tóm tắt luận án đã được trưng bày ở phòng đọc của Thư viện Viện.
- Luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang tóm tắt những đóng góp mới của luận án về khoa học và thực tiễn (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải trên trang Web của Viện.

c. Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến TT Đào tạo 15 ngày trước buổi bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh. Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về các vấn đề sau:

- Sự phù hợp của luận án với chuyên ngành và mã số đã đăng ký.
- Trùng lặp hay không trùng lặp với các công trình đã công bố trong và ngoài nước. Tính trung thực của các trích dẫn.
- Bố cục và hình thức của luận án.
- Nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án.
- Nội dung (phù hợp hay không phù hợp với đề tài nghiên cứu đã đăng ký) và chất lượng của các công trình đã công bố.

- Kết luận: Luận án có đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ quy định tại Điều 34 của Quy định này hay không.

d. Phải có ít nhất 10 bản nhận xét về quyền tóm tắt luận án bằng văn bản của các nhà khoa học, các tổ chức khoa học (theo danh sách đã được Viện trưởng quyết định) gửi đến TT Đào tạo 15 ngày trước buổi bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a. Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

b. Số người phản biện có ý kiến không tán thành luận án là quá 1. Trong trường hợp này, TT Đào tạo tổ chức họp hội đồng tư vấn đào tạo cùng với nghiên cứu sinh, tập thể người hướng dẫn và 3 người phản biện để đề xuất quyết định theo 1 trong 2 hướng sau:

- Nghiên cứu sinh chỉnh sửa hoặc bổ sung theo ý kiến của những người phản biện có ý kiến không tán thành luận án. Có bản giải trình về những nội dung chỉnh sửa hoặc bổ sung có xác nhận của những người phản biện vốn có ý kiến không tán thành nay tán thành luận án.

- Luận án được xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 37 của Quy định này.

c. Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng.

d. Vắng mặt Thư ký Hội đồng.

e. Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án.

f. Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên.

g. Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4. Trong trường hợp cần thiết:

a. Viện trưởng quyết định thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án:

- Hoặc vì lý do bất khả kháng (đi công tác nước ngoài dài hạn, đi công tác liên quan đến an ninh quốc phòng, ốm nặng).
- Hoặc khi thành viên Hội đồng không đảm bảo các quy định tại khoản 3 Điều 39 của Quy định này.

b. Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

5. Trong thời hạn tối đa là ba tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho Nghiên cứu sinh.

a. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán.

b. Sau khi Hội đồng tự giải tán, Nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các quy định tại khoản 6b Điều 37 của Quy định này. Viện trưởng quyết định việc cho phép bảo vệ luận án.

c. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với Nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện lần đầu.

Điều 41. Tổ chức bảo vệ luận án

1. Việc tổ chức bảo vệ luận án phải đảm bảo các nguyên tắc:

a. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài luận án liên quan tới bí mật Quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 43 của Quy chế này.

b. Việc bảo vệ luận án:

- Phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên Hội đồng và những người quan tâm.
- Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.
- Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành văn bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án tiến sĩ được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín:

a. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành.

b. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

c. Việc tán thành hay không tán thành được thể hiện qua mức đánh giá trên lá phiếu. Mức “đạt” hoặc “không đạt”.

3. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

a. Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;

b. Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án.

c. Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;

d. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;

đ. Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;

e. Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;

g. Những điểm cần bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;

h. Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

5. Nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện:

a. Nhận tại Phòng Đào tạo hồ sơ bảo vệ tiến sĩ cấp Viện, gồm:

- Lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh.
- Mẫu biên bản cuộc họp và biên bản ghi câu hỏi và trả lời.
- Phiếu đánh giá luận án.
- Mẫu ghi nghị quyết về luận án của Hội đồng.
- Bản nhận xét của ba phản biện luận án và các thành viên khác.

b. Tổng hợp nội dung bằng văn bản của các bản nhận xét quyền tóm tắt luận án.

c. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng, trong đó nêu đầy đủ các khoản quy định tại Điểm 3 Điều này.

6. Trình tự buổi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện:

a. Đại diện Lãnh đạo Viện tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện của Viện trưởng, sau đó chuyển quyền điều khiển buổi bảo vệ cho Chủ tịch Hội đồng.

b. Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên Hội đồng có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc.

c. Thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh, nếu không có ý kiến thắc mắc hay phản đối, chương trình làm việc chuyển sang phần tiếp theo. Nếu có ý kiến thắc mắc hay phản đối, nghiên cứu sinh phải giải trình trước Hội đồng.

d. Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án: không được đọc bản tóm tắt luận án hoặc văn bản chuẩn bị trước, thời gian trình bày của nghiên cứu sinh không quá 30 phút.

đ. Ba phản biện luận án trình bày bản nhận xét.

e. Thư ký Hội đồng đọc bản tổng hợp nội dung của các bản nhận xét quyền tóm tắt luận án.

g. Thành viên Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc góp ý về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được và những điểm cần bổ sung hoặc cần sửa chữa.

h. Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi đã nêu ra, giải trình về các ý kiến của những người nhận xét quyền tóm tắt.

i. Người hướng dẫn đọc bản nhận xét về nghiên cứu sinh.

k. Khi không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng tổ chức họp riêng. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 1 Trưởng ban và 2 uỷ viên sau đó tiến hành bỏ phiếu đánh giá theo quy định tại Khoản 2 của Điều này. Hội đồng tiến hành thảo luận để thông qua nghị quyết theo quy định tại các Khoản 3 và 4 của Điều này.

l. Chủ tịch Hội đồng công bố biên bản kiểm phiếu và nghị quyết của Hội đồng.

7. Trong vòng 10 ngày sau buổi bảo vệ, Thư ký Hội đồng nộp lại cho Phòng Đào tạo của Viện:

- Hồ sơ đã nhận từ Phòng Đào tạo.

- 02 biên bản cuộc họp và biên bản ghi câu hỏi và trả lời.
- 02 biên bản tổng hợp các ý kiến nhận xét quyền tóm tắt luận án.
- Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá có chữ ký của các thành viên Hội đồng.
- Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên Hội đồng.
- Bản nhận xét của người hướng dẫn.
- Bản nghị quyết của Hội đồng.

8. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh để lưu tại Viện và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 42. Bảo vệ luận án lần thứ hai

1. Nếu kết quả bỏ phiếu và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện quy định tại hai khoản 6 và 7 Điều 41 của Quy định này không tán thành luận án, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa và đề nghị bảo vệ luận án lần thứ hai sau bảo vệ lần thứ nhất không quá 24 tháng.

2. Quá 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.

3. Ngoài các hồ sơ cần thiết như lần bảo vệ lần thứ nhất, nghiên cứu sinh có văn bản tường trình (có xác nhận của người hướng dẫn và Phòng chuyên môn) về quá trình bổ sung, sửa chữa hoàn thiện luận án; và đơn đề nghị được bảo vệ lần thứ hai.

4. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai giống như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt vì các nguyên nhân quy định tại khoản 4a Điều 40 của Quy định này, Viện trưởng quyết định bổ sung thành viên khác thay thế.

5. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

6. Việc tổ chức bảo vệ luận án lần thứ hai được tiến hành tuân thủ các quy định tại Điều 41 của Quy định này.

7. Kinh phí tổ chức bảo vệ luận án lần hai do nghiên cứu sinh tự túc.

Điều 43. Bảo vệ luận án theo chế độ mật

Luận án được bảo vệ theo chế độ mật khi đáp ứng các yêu cầu của Điều 39 “Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ” ban hành kèm theo thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương VI. THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 44. Thẩm định luận án

1. Cuối các tháng chẵn trong năm, Trung tâm Đào tạo chuẩn bị và trình Viện trưởng phê duyệt báo cáo gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh của Viện. Báo cáo gồm:

a. Công văn của Viện, trong đó có danh sách trích ngang các nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án cấp Trường trong hai tháng vừa qua.

b. Bản sao quyết định của Viện trưởng về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

c. Bản sao biên bản và kết luận của các Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

d. Trang thông tin (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của các luận án.

2. Khi Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu thẩm định luận án tiến sĩ, Phòng Đào tạo chuẩn bị hồ sơ của luận án cần thẩm định và gửi cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sau ngày bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện ít nhất là 3 tháng, nếu nghiên cứu sinh không bị khiếu nại, tố cáo, không có tên trong danh sách cần thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng xem xét cấp bằng cho nghiên cứu sinh theo qui trình và thủ tục qui định tại Điều 46 và Điều 47 của Quy chế này.

4. Đối với những trường hợp cần thẩm định, việc xét cấp bằng tiến sĩ chỉ tiến hành sau khi có kết luận của Viện trưởng căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định theo quy định tại các Khoản 3 Điều 45 của Quy chế này.

Điều 45. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định và không có yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa của Hội đồng thẩm định, Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo quy định tại Điều 46 và Điều 47 của Quy định này.

2. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định nhưng Hội đồng thẩm định có yêu cầu sửa chữa, Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi Nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo các yêu cầu quy định tại Điều 46 và Điều 47 của Quy định này.

3. Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia tổ chức họp lại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện để xem xét. Tùy theo mức độ đánh giá của Hội đồng, Viện trưởng ra quyết định xử lý đối với luận án của Nghiên cứu sinh theo một trong ba hướng:

a. Yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa luận án và không cần bảo vệ lại.

b. Yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa luận án và bảo vệ lại cấp Viện.

c. Yêu cầu nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu bổ sung, sửa chữa luận án và bảo vệ lại cấp Viện.

4. Thực hiện quyết định xử lý của Viện trưởng:

a. Thời gian để nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án không quá 12 tháng kể từ ngày Viện trưởng ra quyết định xử lý.

b. Việc tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ lại cấp Viện thực hiện theo Điều 41 của Quy định này.

c. Sau khi Nghiên cứu sinh hoàn thành các yêu cầu của quyết định xử lý, Viện trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện của nghiên cứu sinh.

Điều 46. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng Tiến sĩ

1. Khi đến thời hạn xét cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 45 của Quy định này phải nộp cho Thư viện Quốc gia và Thư viện Viện 02 bộ (mỗi Thư viện 01 bộ) kể cả các luận án bảo vệ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, gồm:

a. 01 quyển luận án (đã bổ sung, chỉnh sửa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện) đóng bìa cứng. Các tài liệu sau đây phải đóng bổ sung vào phần cuối của quyển luận án:

- Quyết định thành lập và danh sách Hội đồng cấp Viện.
- Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng cấp Viện.
- Biên bản và kết luận của Hội đồng cấp Viện.
- Bản giải trình các điểm đã bổ sung, chỉnh sửa trong luận án theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng.

b. 01 quyển tóm tắt luận án.

c. 01 đĩa CD ghi toàn văn nội dung quyển luận án và quyển tóm tắt luận án.

d. Nộp cho TT Đào tạo giấy biên nhận của hai Thư viện trên.

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh (được lưu trữ lâu dài tại TT Đào tạo) bao gồm :

a. Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và những người tham dự, trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi.

b. Kết luận của Hội đồng.

c. Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng.

d. Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá.

e. Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn đối với nghiên cứu sinh.

f. Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ.

g. Giấy biên nhận của Thư viện Quốc gia và Thư viện Viện quy định tại khoản 1e của Điều này.

h. Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ (trừ những luận án bảo vệ theo chế độ mật).

i. Bản in trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án trên trang Web của Viện và của Bộ Giáo dục và đào tạo.

Điều 47. Cấp bằng Tiến sĩ

1. Những hồ sơ bảo vệ luận án được đưa ra xem xét tiến hành các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 46 của Quy định này.

2. Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia có trách nhiệm:

a. Tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án các cấp.

b. Tổ chức họp hội đồng tư vấn đào tạo để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ.

c. Ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VII. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 48. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian hai tháng kể từ ngày bảo vệ cấp Viện.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 49. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật theo một trong các mức:

a. Khiển trách.

b. Cảnh cáo.

c. Tạm ngừng học tập.

d. Đình chỉ học tập.

e. Thu hồi văn bằng đã được cấp (đối với nghiên cứu sinh đã được cấp bằng).

f. Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Đối với nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại khoản Điều 15 của Quy định này:

a. Sẽ bị xử lý theo một trong ba mức:

- Khiển trách.
- Cảnh cáo.
- Đình chỉ học tập, đồng thời hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án.

b. Nếu thông tin về phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập có thể bị xem xét kỷ luật theo một trong ba mức:

- Khiển trách.
- Cảnh cáo.
- Buộc thôi việc.

3. Trường hợp có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ do Bộ Giáo dục và đào tạo phát hiện, Bộ Giáo dục và đào tạo sẽ có văn bản đề nghị Viện Kiến trúc quốc gia xử lý hoặc Bộ trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

Chương VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 50. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Căn cứ vào các quy định của Quy chế này, các đơn vị, Phòng chuyên môn trong Viện thực hiện và soạn thảo các hướng dẫn, quy định chi tiết.

Điều 51. Nghiên cứu sinh

Khi nhập học tại Viện Kiến trúc quốc gia, nghiên cứu sinh sẽ được nhận quyển “Sổ tay học vụ”. Ngoài nội dung đầy đủ của “Quy định về tổ chức - quản lý đào tạo sau đại học”, “Sổ tay học vụ” còn chứa các hướng dẫn sử dụng cụ thể và ngắn gọn các công việc cần làm, giúp Nghiên cứu sinh tránh vi phạm “Quy định về tổ chức - quản lý đào tạo sau đại học”. Nghiên cứu sinh có nhiệm vụ thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn đó.

Điều 52. Các mẫu văn bản

1. Các văn bản cần thiết cho quá trình thực hiện bản “Quy định về tổ chức - quản lý đào tạo sau đại học” được TT Đào tạo tạo sẵn thành các Files mẫu. Tất cả các cá nhân liên quan đến quá trình đào tạo sau đại học có thể lấy các mẫu đó từ trang Web của Viện.

2. Luận án Tiến sĩ phải được trình bày theo đúng mẫu chuẩn quy định. Files mẫu và hướng dẫn sử dụng được ban hành kèm theo quy định này và Nghiên cứu sinh có thể copy file tại TT Đào tạo cũng như từ trang web của Viện.

PHỤ LỤC 1: TẬP THẺ HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

1. Trong trường hợp một nghiên cứu sinh có hai người hướng dẫn, người hướng dẫn thứ nhất là người hướng dẫn chính, người hướng dẫn thứ hai là người hướng dẫn phụ. Người hướng dẫn chính có vai trò chính trong việc định hướng nội dung nghiên cứu; nội dung luận án tiến sĩ, cung cấp kinh phí, tạo điều kiện về trang thiết bị cho nghiên cứu sinh, xác định khối lượng, chất lượng kết quả của luận án để cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ ở các cấp; là người ký tên trong các văn bản liên quan đến quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh. Nếu vì lý do nào đó không ký được thì phải có giấy ủy quyền của người hướng dẫn chính và xác nhận của Trung tâm Đào tạo của Viện. Người hướng dẫn thứ hai chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh trực tiếp trong nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh viết bài báo, báo cáo khoa học.

2. Người có bằng tiến sĩ nhưng chưa đủ 3 năm có thể tham gia hướng dẫn thứ hai nếu có bằng tiến sĩ tối thiểu được 18 tháng và có ít nhất 03 bài báo, công trình khoa học quốc tế trong 3 năm gần nhất và được Viện trưởng cho phép.

PHỤ LỤC 2: CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG

1. Nguyên tắc xác định số môn học bổ sung:

Căn cứ nội dung chương trình, số tín chỉ của từng chuyên ngành gần đã học, số môn học trình độ thạc sỹ cần bổ sung để đảm bảo nội dung kiến thức cơ sở và chuyên ngành giống trên 80% so với chương trình của chuyên ngành đúng.

2. Học bổ sung 6 môn -12 tín chỉ (bao gồm 4 môn bắt buộc và 2 môn lựa chọn) trong số các môn học sau:

STT	Tên môn học	Số tín chỉ
1. Các môn học bắt buộc		
1	Lịch sử kiến trúc thế giới	2
2	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	2
3	Di sản kiến trúc	2
4	Bảo tồn, trùng tu và tôn tạo di sản kiến trúc	2
2. Các môn học lựa chọn		
1	Kiến trúc và môi trường	2
2	Công thái học yếu tố con người	2
3	Các phương pháp bảo tồn di sản kiến trúc và đô thị	2
4	Các yếu tố kinh tế - xã hội	2
5	Các yếu tố hạ tầng kỹ thuật	2
6	Hình thái học	2

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Danh mục các học phần trình độ tiến sĩ

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số tiết học TS(LL/Th H/TH)**
1	LTKT 01	Lý thuyết và lý luận phê bình kiến trúc	2	
2	LTKT 02	Văn hóa và kiến trúc	3	
3	LTKT 03	Môi trường sống	3	
4	LTKT 04	Phát triển bền vững trong kiến trúc	3	
5	LTKT 05	Kiến trúc cảnh quan	3	
6	LTKT 06	Phân tích chính sách đô thị	3	
7	LTKT 07	Chuyển dịch đô thị	3	
8	LTKT 08	Xác định, định vị di sản kiến trúc	3	
9	LTKT 09	Xã hội học kiến trúc	3	
10	LTKT 10	Kỹ thuật hạ tầng	2	
11	LTKT 11	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.	2	
12	LTKT 12	Tiếng Anh chuyên ngành kiến trúc - xây dựng	3	

Ghi chú: **: Tổng số tiết học (Lý thuyết/thực hành/tự học)

2. Đề cương môn học: Hội đồng Khoa học và Đào tạo phê duyệt các đề cương môn học và trình Viện trưởng quyết định.

PHỤ LỤC 4: HƯỚNG CHUYÊN MÔN SÂU

Hướng chuyên môn sâu cho các chuyên đề tiến sĩ:

1. Kiến trúc với văn hoá Việt Nam
2. Những xu hướng phát triển của kiến trúc đô thị hiện nay
3. Bảo tồn và trung tu di sản kiến trúc Việt Nam
4. Cải tạo, nâng cấp các quần thể kiến trúc trên cơ sở tăng thêm chức năng sử dụng và chất lượng thẩm mỹ đô thị Việt Nam
5. Các xu hướng phát triển của kiến trúc đương đại trên thế giới và Việt Nam
6. Xã hội học với sự phát triển kiến trúc nhà ở đô thị
7. Kiến trúc và các công trình công cộng
8. Phát triển kiến trúc nhà ở đô thị trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá
9. Đơn vị ở Việt Nam trong cơ chế thị trường
10. Các giải pháp kiến trúc nhà ở đô thị đến năm 2010
11. Các giải pháp sử dụng cây xanh trong kiến trúc nhà ở
12. Đề xuất một số chính sách về nhà ở đô thị đến năm 2010
13. Lịch sử phát triển đô thị thế giới
14. Lịch sử phát triển đô thị Việt Nam
15. Lịch sử kiến trúc thế giới
16. Lịch sử kiến trúc Việt Nam
17. Bảo tồn di sản kiến trúc trong quá trình phát triển đô thị
18. Mô hình cấu trúc không gian quy hoạch thành phố trung bình ở Việt Nam trong thời kỳ kinh tế thị trường
19. Vấn đề đô thị hoá và định hướng phát triển mạng lưới đô thị Việt Nam
20. Bình luận kiến trúc

PHỤ LỤC 5: DANH MỤC TẠP CHÍ CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Danh mục các tạp chí khoa học trong nước mà Nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu thuộc chuyên ngành Kiến trúc:

STT	Các tạp chí khoa học	Cơ quan phát hành
1	Tạp chí Xây dựng	Tạp chí Xây dựng
2	Tạp chí Kiến trúc Việt Nam	Viện Kiến trúc quốc gia
3	Tạp chí Quy hoạch	Viện quy hoạch đô thị và nông thôn
4	Tạp chí Kiến trúc	Hội Kiến trúc sư Việt Nam